

Số: 4376/TCT - QLN

V/v giới thiệu các nội
dung mới của Thông tư số
87/2018/TT-BTC ngày
27/9/2018

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 87/2018/TT-BTC ngày 27/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Tổng cục Thuế giới thiệu những nội dung mới của Thông tư số 87/2018/TT-BTC ngày 27/9/2018 của Bộ Tài chính như sau:

1. Về nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại Khoản 1 Điều 1 (sửa đổi Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 215/2013/TT-BTC)

Bổ sung quy định tạm dừng hoặc chưa thực hiện cưỡng chế đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt mà số tiền đang bị cưỡng chế hoặc đến thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế đã được cơ quan thuế ban hành quyết định gia hạn nộp thuế hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp.

2. Về gửi quyết định cưỡng chế quy định tại Khoản 2 Điều 1 (sửa đổi Điều 6 Thông tư số 215/2013/TT-BTC)

Sửa đổi quy định về gửi quyết định cho đối tượng bị cưỡng chế, cụ thể: Quyết định cưỡng chế phải được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế trước khi tiến hành cưỡng chế theo phương thức điện tử đối với trường hợp đối tượng bị cưỡng chế đã có tài khoản giao dịch thuế điện tử. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế chưa có tài khoản giao dịch thuế điện tử thì quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi bằng thư bảo đảm qua đường bưu điện cho đối tượng bị cưỡng chế.

3. Về chấm dứt hiệu lực Quyết định cưỡng chế quy định tại Khoản 3 Điều 1 (sửa đổi Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 215/2013/TT-BTC)

Bổ sung quy định chấm dứt hiệu lực Quyết định cưỡng chế đối với trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng nộp dần tiền thuế nợ, gia hạn nộp thuế hoặc không tính tiền chậm nộp tiền thuế. Căn cứ để chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế thuế là chứng từ nộp đủ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt vào ngân sách nhà nước của đối tượng bị cưỡng chế hoặc quyết định gia hạn nộp thuế hoặc quyết định nộp dần tiền thuế nợ hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp.

4. Về xác minh thông tin tài khoản của đối tượng cưỡng chế quy định tại Khoản 4 Điều 1 (sửa đổi Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 215/2013/TT-BTC)

Bỏ nội dung xác minh thông tin về số tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế và cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu hiện có của ngành hoặc dữ liệu của tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) để ban hành quyết định cưỡng chế. Trong trường hợp cơ sở dữ liệu tại cơ quan thuế không đầy đủ thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế yêu cầu kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế.

5. Về cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng; yêu cầu phong tỏa tài khoản quy định tại Khoản 5 Điều 1 và Khoản 1 Điều 2 (Bãi bỏ Điều d và sửa đổi Điều b, Điều đ Khoản 3 Điều 11)

- Sửa đổi Điều b Khoản 3 Điều 11 Thông tư 215/2013/TT-BTC về thời điểm ban hành quyết định cưỡng chế là “*Sau ngày thứ 90 (chín mươi) kể từ ngày: Số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế hết thời hạn nộp thuế; hết thời hạn cho phép nộp dần tiền thuế nợ theo quy định của pháp luật*”, thay vì trước đây thì quyết định cưỡng chế phải ban hành “*Trong ngày thứ 91 (chín mươi một) kể từ ngày: số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế hết thời hạn nộp thuế; ...*”.

Đồng thời, đối với trường hợp người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì thời điểm ban hành quyết định cưỡng chế là ngay sau ngày người nộp thuế không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt (trừ trường hợp được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế).

- Bãi bỏ Điều d Khoản 3 Điều 11 về nội dung yêu cầu kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ. Sửa đổi Điều đ Khoản 3 Điều 11 về trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng cưỡng chế tại kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

“Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế có mở tài khoản tại nhiều tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước khác nhau thì người có thẩm quyền căn cứ vào số lượng tài khoản mở tại các tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước để ban hành quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản đối với một tài khoản hoặc nhiều tài khoản, đồng thời yêu cầu tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước phong tỏa tài khoản đối với các tài khoản còn lại của người nộp thuế tương ứng với số tiền bị cưỡng chế trong trường hợp cần thiết.

Trong quá trình thực hiện quyết định, nếu một hoặc một số các tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước đã thực hiện trích tiền hoặc đã trích đủ số tiền theo quyết định cưỡng chế (có chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quyết định cưỡng chế) thì tổ chức tín dụng hoặc kho bạc nhà nước hoặc người nộp

thuế thông báo cho cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế ngay trong ngày trích chuyển. Cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho các tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước ngay trong ngày nhận được thông báo nộp đủ tiền thuế để dừng việc phong tỏa tài khoản, cưỡng chế tiền từ tài khoản”.

6. Về xác minh thông tin tình hình sử dụng hóa đơn quy định tại Khoản 6 Điều 1 (Sửa đổi Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 215/2013/TT-BTC)

Bỏ thủ tục xác minh thông tin về tình hình sử dụng hóa đơn mà cơ quan thuế căn cứ vào thông tin về hóa đơn của đối tượng bị cưỡng chế tại cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế hoặc dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có) để ban hành quyết định cưỡng chế. Trong trường hợp cơ sở dữ liệu tại cơ quan thuế không đầy đủ thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác (nếu có) cung cấp thông tin về tình hình sử dụng hóa đơn của đối tượng bị cưỡng chế.

7. Về chấm dứt thực hiện biện pháp cưỡng chế hóa đơn và thông báo hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng quy định tại Khoản 7 Điều 1 (Sửa đổi Điều c Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 215/2013/TT-BTC)

Bổ sung quy định chấm dứt việc thực hiện biện pháp cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng kèm theo thông báo hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng đối với trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng nộp dần tiền thuế nợ hoặc không tính tiền chậm nộp tiền thuế.

8. Về cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan quy định tại Khoản 8 Điều 1 (Sửa đổi Điểm b Khoản 5 Điều 13 Thông tư số 215/2013/TT-BTC)

Bỏ dẫn chiếu đến Thông tư số 190/2013/TT-BTC ngày 12/12/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và sửa đổi đối với trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng khi nhận được văn bản đề nghị cưỡng chế của cơ quan hải quan như sau:

“Khi nhận được văn bản đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng của cơ quan hải quan thì cơ quan thuế thực hiện cưỡng chế theo đúng trình tự, thủ tục và gửi văn bản thông báo cho cơ quan hải quan biết, phối hợp.

Trường hợp cơ quan thuế không thực hiện được ngay biện pháp cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo đề nghị của cơ quan hải quan thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan hải quan biết và nêu rõ lý do”.

9. Thay thế cụm từ “tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế” bằng cụm từ “tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp tiền phạt” (quy định tại Khoản 2 Điều 2).

10. Sửa đổi, bổ sung các biểu mẫu quy định tại Khoản 9 Điều 1

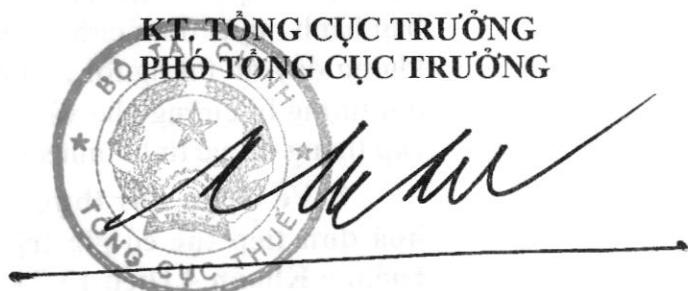
a) Sửa đổi các biểu mẫu 01/CC, 07/CC, 08/CC, 09/CC tại Thông tư số 215/2013/TT-BTC theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư.

b) Bổ sung các biểu mẫu 10/CC, 11/CC theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương biết và thực hiện./. *m*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để chỉ đạo);
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu: VT, QLN (3b). *95*



Phi Văn Tuấn